TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/KDTM-ST
Ngày: 18-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/KDTM-ST, ngày 06 tháng 06 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2017/QĐST-XX-KDTM, ngày 01 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 242/2017/QĐST–KDTM, ngày 19 thng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng giao thông B

Trụ sở: đường X, phường Y, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Chu Xuân B (Văn bản ủy quyền số 175 ngày 01/8/2017 của Công ty TNHH Xây dựng giao thông B).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Huy H và luật sư Nguyễn Hồng B, là luật sư của Công ty Luật TNHH B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng công trình giao thông D

Trụ sở: đường X1, phường Y1, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1969 – Giám đốc.

(Ông Chu Xuân B, ông Nguyễn Huy H và ông Nguyễn Hồng B – có mặt; ông Nguyễn Trọng P – vắng mặt).

(Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng giao thông B viết tắt là Công ty B và Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng công trình giao thông D viết tắt là Công ty D**).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2016, bản tự khai và các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty B có ông Chu Xuân B trình bày:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty B và Công ty D đã ký các Hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 03/HĐMB-2012 ngày 08/1/2013 , số 62/HĐMD-2013 ngày 31/5/2013, số 88/HĐMB-2013 ngày 15/8/2013 và số 94/HĐMB-2013 ngày 28/8/2013 cho các công trình lần lượt là KCN Phúc Long, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; KCN Phước Đông, Bời Lời, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; công trình khu 13C, Nguyễn Văn Linh, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh và công trình nhà máy bia Sài Gòn và bờ kè Cổ Chiên, thành phố Vĩnh Long. Sau khi ký kết các Hợp đồng nêu trên, Công ty B đã tiến hành giao hàng hóa đầy đủ số lượng, đảm bảo chất lượng tương ứng với mỗi Hợp đồng và Công ty D hoàn toàn không có bất kỳ khiếu nại nào về chất lượng, số lượng hàng hóa. Công ty D cũng đã thanh toán được một phần giá trị hàng hóa đã giao theo mỗi Hợp đồng.

Công ty D đã thanh toán nhiều lần cho Công ty B với giá trị mỗi lần từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng với tổng số tiền thanh toán là 2.200.000.000 đồng. Như vậy, tính đến nay Công ty D còn nợ Công ty B số tiền gốc là 1.205.431.428 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu:

Buộc Công ty D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc phát sinh từ các Hợp đồng nêu trên cho Công ty B là 1.205.431.428 đồng .

Buộc Công ty D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh từ các Hợp đồng trên cho Công ty B, cụ thể lãi suất chậm thanh toán là 9,1%/tháng tính từ ngày 30/4/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã tống đạt rất nhiều lần nhưng Công ty D vẫn không có người đại diện đến Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty B có ông Chu Xuân B trình bày: Hiện nay, công ty D đã thanh toán cho công ty B một phần số nợ gốc. Tính tới ngày 18/01/2018, công ty D còn nợ công ty B số nợ gốc là 725.431.428 đồng. Lãi suất tính theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tạm tính từ ngày 30/4/2014 tới ngày 30/12/2017 là 345.833.921 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính tới ngày 30/12/2017 là 1.071.265.349 đồng. Thời hạn thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra công ty B không còn yêu cầu nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Nguyễn Huy H và luật sư Nguyễn Hồng B có cùng ý kiến trình bày với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty B và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người đại diện của bị đơn Công ty D vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 220 và Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về án phí: Công ty D phải chịu và tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện ngày 04/11/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo của Công ty B, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa Công ty B và Công ty D đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa dựa trên những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại, được xác lập bằng văn bản cụ thể qua các hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 03/HĐMB-2012 ngày 08/1/2013, số 62/HĐMD-2013 ngày 31/5/2013, số 88/HĐMB-2013 ngày 15/8/2013 và số 94/HĐMB-2013 ngày 28/8/2013 cho các công trình lần lượt là KCN Phúc Long, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; KCN Phước Đông, Bời Lời, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; công trình khu 13C, Nguyễn Văn Linh, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh và công trình nhà máy bia Sài Gòn và bờ kè Cổ Chiên, thành phố Vĩnh Long đúng hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa theo Điều 24 Luật thương mại năm 2005. Tại công văn số 1024/UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân phường Y1, quận Thủ Đức và công văn số 2969/PĐKKD-KT ngày 12/4/2017 của phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cho biết Công ty D có trụ sở chính tại địa chỉ đường X1, phường Y1, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh và vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường. Căn cứ vào Điều 6 của các hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 03/HĐMB-2012 ngày 08/1/2013 , số 62/HĐMD-2013 ngày 31/5/2013, số 88/HĐMB-2013 ngày 15/8/2013 và số 94/HĐMB-2013 ngày 28/8/2013 được ký kết giữa công ty B và công ty D thì việc giải quyết tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án nơi bên B (công ty B) có trụ sở chính để giải quyết. Công ty B có trụ sở chính tại đường X, phường Y, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Thông báo chuyển đơn khởi kiện số 418/TAQTĐ ngày 30/5/2017. Xét thấy tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và

đều có mục đích lợi nhuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 319 Luật thương mại 2005 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

- Công ty B là nguyên đơn, Công ty D là bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty D theo quy định tại Điều 178, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng người đại diện của công ty D vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công Công ty D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Tính tới ngày 18/01/2018, công ty D còn nợ công ty B số nợ gốc là 725.431.428 đồng. Lãi suất tính theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) tạm tính từ ngày 30/4/2014 tới ngày 30/12/2017 là 345.833.921 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tạm tính tới ngày 30/12/2017 là 1.071.265.349 đồng. Thời hạn thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

Xét các hợp đồng mua bán bê tông nhựa nóng số 03/HĐMB-2012 ngày 08/1/2013, số 62/HĐMD-2013 ngày 31/5/2013, số 88/HĐMB-2013 ngày 15/8/2013 và số 94/HĐMB-2013 ngày 28/8/2013 cho các công trình lần lượt là KCN Phúc Long, huyện Bến Lức , tỉnh Long An; KCN Phước Đông, Bời Lời, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; công trình khu 13C, Nguyễn Văn Linh, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh và công trình nhà máy bia Sài Gòn và bờ kè Cổ Chiên, thành phố Vĩnh Long và các bảng đối chiếu công nợ theo từng giai đoạn cho các hợp đồng trên theo các bút lục số 55, số 56, số 57, số 58 cùng các phiếu chuyển tiền gửi theo các bút lục từ số 29 đến bút lục số 54. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi số nợ gốc công ty D còn nợ là 725.431.428 đồng. Mặc dù yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nhưng thể hiện việc bị đơn công ty D có thiện chí trong việc thanh toán nợ cho nguyên đơn công ty B. Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty D còn nợ Công ty B số tiền gốc là 725.431.428 đồng đồng là có cơ sở. Tại Điều 3.3 của các hợp đồng trên có ghi rõ ".... Nếu bên A (công ty D) thanh toán trễ hạn thì phần giá trị thanh toán trễ hạn sẽ tính thêm lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV) .....". Tại công văn số 182/BIDV.CL-KHDN2 ngày 08/11/2017 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) cho biết "... mức lãi suất nợ quá hạn áp dụng cho kỳ hạn 06 tháng cụ thể từ tháng 01/2016 đến tháng 08/2016 là 9,1%, từ tháng 09/2016 là 8,5%...". Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và công văn số 182/BIDV.CL-KHDN2 ngày 08/11/2017 của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở . Do Công ty D đã vi phạm về thanh toán tiền hàng theo Điều 50, Điều 55 Luật thương mại năm 2005 nên buộc công ty D phải thanh toán toàn bộ số nợ làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 178, Điều 179,Điều 196, Điều 208, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại 2005. Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng giao thông B.

- Buộc Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng công trình giao thông D phải thanh toán toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 30/12/2017 là 1.071.265.349 (một tỷ không trăm bảy mươi một triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn ba trăm bốn mươi chín) đồng gồm nợ gốc là 725.431.428 (bảy trăm hai mươi năm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn bốn trăm hai mươi tám) đồng, tiền lãi nợ quá hạn tạm tính từ ngày 30/4/2014 tới ngày 30/12/2017 là 345.833.921 (ba trăm bốn mươi năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi một) đồng.

- Thời hạn thanh toán: thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

- Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng công trình giao thông D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 44.137.960 (bốn mươi bốn triệu một trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là: 33.158.822 (ba mươi ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0025721 ngày 17/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng giao thông B.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- Chi cục THADS Q.Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hiển